

CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIV ĐƯA ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

PGS, TS ĐẶNG QUANG ĐỊNH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 3/3/2026; Ngày phản biện: 3/3/2026; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026.

● **Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích ba đột phá chiến lược theo tinh thần Đại hội XIV, bao gồm: Đột phá về thể chế phát triển; đột phá về nguồn nhân lực và công tác cán bộ; đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược gay gắt và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, việc xác định đúng các đột phá có ý nghĩa quyết định đối với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của dân tộc. Đột phá về thể chế nhằm khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng mọi nguồn lực và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đột phá về nguồn nhân lực tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân tài và đổi mới công tác cán bộ. Đột phá về kết cấu hạ tầng tạo nền tảng vật chất cho chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và mở rộng không gian phát triển. Ba đột phá gắn kết hữu cơ, tạo động lực đưa đất nước vươn lên mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

● **Từ khóa:** Đột phá chiến lược; Đại hội XIV; Kỷ nguyên mới.

Đất nước ta bước vào nhiệm kỳ Đại hội XIV trong bối cảnh “cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, phân mảnh và phân tuyến mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ, nhất là sự phát triển đột phá của trí tuệ nhân tạo (AI)

đã thúc đẩy “lực lượng sản xuất mới” hình thành nhanh chóng. Cùng với đó, xu thế chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng trở thành yêu cầu cấp bách của mọi quốc gia. Đồng thời, các thách thức an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu... đang tác động sâu sắc đến an ninh và phát triển của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam. Như Báo cáo chính trị tại

Đại hội XIV của Đảng khẳng định, đây là “bước ngoặt mới, vận hội mới mang tính lịch sử”, song cũng đặt ra những yêu cầu rất cao đối với năng lực tự chủ chiến lược, năng lực quản trị quốc gia và sức chống chịu của nền kinh tế.

Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng lên một tầm cao mới. Quy mô tổng sản phẩm quốc nội (GDP) không ngừng mở rộng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng, nâng tầm. Đặc biệt, cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy đã tạo chuyển biến đột phá trong xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Tuy nhiên, Báo cáo chính trị cũng chỉ rõ nhiều hạn chế, yếu kém mang tính căn bản: Hệ thống thể chế phát triển chưa đồng bộ, trở thành “điểm nghẽn của điểm nghẽn”; tăng trưởng chưa đạt mức tiềm năng; năng suất lao động còn thấp; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo “chưa thực sự trở thành động lực chính”; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn yếu, thiếu và chưa theo kịp yêu cầu; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng đòi hỏi của các ngành, lĩnh vực công nghệ cao và kinh tế số (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Những “nút thắt”, “điểm nghẽn” đó nếu không được tháo gỡ kịp thời sẽ làm suy giảm động lực tăng trưởng và cản trở mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc xác định trúng và đúng các đột phá chiến lược có ý nghĩa quyết định. Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển”, “đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, “tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, đồng thời “hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội”. Đây không chỉ là giải pháp khắc phục hạn chế trước mắt, mà còn là nền tảng để xác lập mô hình tăng

trường mới, phát triển lực lượng sản xuất mới, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Xác định đúng khâu đột phá sẽ giúp tập trung nguồn lực chiến lược, tạo hiệu ứng lan tỏa giữa các lĩnh vực; khơi thông và giải phóng mọi tiềm năng phát triển; củng cố niềm tin xã hội; khơi dậy khát vọng vươn mình của dân tộc. Vì vậy, lựa chọn và tổ chức thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược chính là chìa khóa để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIV xác định rõ ba đột phá chiến lược: 1) Đột phá về thể chế phát triển; 2) Đột phá về nguồn nhân lực và công tác cán bộ; 3) Đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đây không chỉ là sự kế thừa tư duy của các nhiệm kỳ trước, mà còn là sự phát triển về chất trong nhận thức chiến lược, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, hiện thực hóa khát vọng đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

1. Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển - Nền tảng khơi thông nguồn lực cho tăng trưởng bứt phá

Trong hệ thống các đột phá chiến lược được xác định cho nhiệm kỳ 2026-2030, đột phá về thể chế phát triển giữ vị trí trung tâm, có ý nghĩa nền tảng và dẫn dắt toàn bộ tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng. Báo cáo chính trị nhấn mạnh: “Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây không chỉ là sự tiếp nối ba đột phá chiến lược của nhiệm kỳ trước, mà còn là bước phát triển về tư duy thể chế trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ nhất, thể chế là khâu then chốt quyết định chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng.

Thực tiễn 40 năm đổi mới cho thấy, mỗi bước phát triển vượt bậc của nền kinh tế đều gắn liền với cải cách thể chế. Ngược lại, khi hệ thống pháp luật chậm được hoàn thiện, còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, cơ chế thực thi thiếu nhất quán, thì chính thể chế sẽ trở thành lực cản của phát triển. Báo cáo chính trị đã thẳng thắn chỉ ra hệ thống thể chế chưa đồng bộ là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Vì vậy, đột phá về thể chế trước hết phải tập trung vào nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng khoa học, dự báo dài hạn và tổng kết thực tiễn sâu sắc; đồng thời bảo đảm tính nghiêm minh, nhất quán trong thực thi. Thể chế không chỉ dừng lại ở văn bản pháp luật, mà phải được hiện thực hóa trong quản trị quốc gia, trong hiệu lực điều hành của bộ máy và trong niềm tin của xã hội.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế để khơi thông, giải phóng và phát huy mọi nguồn lực phát triển.

Việt Nam đang sở hữu nguồn lực dân số trên 100 triệu người, có tiềm năng tài nguyên phong phú, nguồn vốn xã hội hóa lớn, lực lượng doanh nghiệp tư nhân năng động và mạng lưới hội nhập quốc tế sâu rộng. Tuy nhiên, nếu quyền tài sản chưa được bảo đảm đầy đủ, môi trường kinh doanh còn nhiều rào cản, việc tiếp cận đất đai, tín dụng, thông tin chưa minh bạch, thì các nguồn lực đó khó có thể phát huy hết giá trị. Do đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Báo cáo chính trị xác định rõ yêu cầu “giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là bước phát triển lý luận và thực tiễn sâu sắc, bảo đảm sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển.

Thứ ba, tái cấu trúc quản trị phát triển thông qua đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

Báo cáo chính trị nêu rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Trong bối cảnh hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phân quyền thực chất trở thành động lực thúc đẩy sự sáng tạo và trách nhiệm giải trình ở cơ sở. Khi địa phương được trao quyền quyết định phù hợp với điều kiện đặc thù, đồng thời chịu trách nhiệm rõ ràng về kết quả phát triển, thì năng lực cạnh tranh vùng, liên kết vùng và hiệu quả quản trị quốc gia sẽ được nâng cao. Tuy nhiên, phân quyền phải đi đôi với kiểm soát quyền lực, thông qua hệ thống giám sát minh bạch và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, bảo đảm thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ tư, tạo hành lang pháp lý cho đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong mô hình tăng trưởng mới, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số giữ vai trò động lực chính. Do đó, thể chế phải đi trước một bước, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho kinh tế số, tài sản số, AI, dữ liệu lớn (Big Data) và các mô hình kinh doanh mới. Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm phục vụ và kiến tạo phát triển. Điều này đòi hỏi phải xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các mô hình mới, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ, và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Khi đó, chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở ứng dụng công nghệ, mà là sự tái cấu trúc toàn diện phương thức quản lý, điều hành và sản xuất, hình thành Chính phủ số, chính quyền số và công dân số.

Thứ năm, phát triển lực lượng sản xuất mới và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đột phá về thể chế phải gắn liền với việc hình thành các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược và các mô hình sản xuất, kinh doanh mới. Báo cáo chính trị chỉ rõ nhiệm vụ “xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tái định hình cấu trúc kinh tế toàn cầu. Để thực hiện mục tiêu này, cần có các chính sách bảo vệ và khuyến khích cán bộ, doanh nghiệp dám đổi mới, dám sáng tạo, chấp nhận rủi ro có kiểm soát vì lợi ích chung. Khi môi trường thể chế thực sự khuyến khích đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp sẽ lan tỏa rộng khắp, tạo ra những doanh nghiệp công nghệ Việt Nam có năng lực cạnh tranh ở tầm khu vực và quốc tế.

Thứ sáu, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và phát huy động lực của kinh tế tư nhân.

Một nội dung quan trọng trong đột phá thể chế là xác định rõ chức năng của các khu vực kinh tế. Báo cáo chính trị khẳng định: Phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, đồng thời phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là sự kết hợp hài hòa giữa định hướng chiến lược và năng lực thị trường, giữa vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước và sức sáng tạo, linh hoạt của khu vực tư nhân. Khi được tạo điều kiện tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, doanh nghiệp tư nhân sẽ trở thành lực lượng quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tóm lại, đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển không chỉ là sự cải cách mang tính kỹ thuật trong quản lý nhà nước, mà còn là sự đổi mới căn bản về tư duy lãnh đạo và quản trị quốc gia. Thể chế thông thoáng, minh bạch, hiện đại và phù hợp với quy luật khách quan sẽ khơi thông

mọi nguồn lực, giải phóng sức sản xuất và tạo động lực tăng trưởng mới. Đây chính là điều kiện tiên quyết để đất nước thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 và tiến tới hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045.

2. Đột phá về nguồn nhân lực và công tác cán bộ - Nhân tố quyết định của phát triển

Bước vào nhiệm kỳ Đại hội XIV, trong bối cảnh đất nước đứng trước thời cơ và thách thức đan xen, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đặt ra đòi hỏi phải xác lập những đột phá mang tính quyết định. Trong hệ thống các đột phá chiến lược được xác định, cùng với đột phá về thể chế và kết cấu hạ tầng, đột phá về nguồn nhân lực và công tác cán bộ giữ vị trí đặc biệt quan trọng, bởi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Đại hội XIV nhấn mạnh: “Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là sự kế thừa và phát triển tư duy chiến lược của Đảng về vai trò quyết định của nhân tố con người trong toàn bộ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trong kỷ nguyên số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lợi thế cạnh tranh của quốc gia không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên hay lao động giá rẻ, mà ngày càng phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực. Mặc dù Việt Nam đang ở giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”, song Văn kiện Đại hội XIV cũng cảnh báo rõ: Quá trình già hóa dân số đang diễn ra nhanh hơn dự báo, tạo sức ép lớn lên hệ thống an sinh và thị trường lao động (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Nếu không kịp thời chuyển đổi cơ cấu lao động, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, lợi thế dân số sẽ không thể chuyển hóa thành động lực tăng trưởng. Để thực hiện mục tiêu này, cần tập trung vào các giải pháp trọng tâm:

Một là, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao. Hiện nay, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể, trong khi mục tiêu đến năm 2030 là giảm xuống dưới 20%. Điều này đòi hỏi phải tái cơ cấu mạnh mẽ nền kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành dịch vụ hiện đại và kinh tế số, đồng thời chú trọng đào tạo lại lực lượng lao động để thích ứng với yêu cầu mới.

Hai là, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển năng lực, kỹ năng và tư duy sáng tạo. Văn kiện khẳng định: “Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây không chỉ là một định hướng chính sách, mà còn là lời khẳng định mang tính chiến lược: Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho tương lai.

Ba là, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nhu cầu thị trường lao động. Việc phát triển các ngành công nghiệp chiến lược như chip bán dẫn, AI, robot, năng lượng tái tạo... đòi hỏi đội ngũ kỹ sư, chuyên gia có trình độ cao. Văn kiện đã chỉ rõ nhiệm vụ: “Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Muốn vậy, hệ thống giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học phải được tái cấu trúc theo hướng linh hoạt, mở, liên thông, cập nhật kịp thời các tiến bộ của khoa học - công nghệ.

Bốn là, đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, kỹ năng công dân số ngay từ sớm. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu đưa giáo dục kỹ năng số, AI vào

hệ thống giáo dục quốc dân, cho thấy tư duy phát triển nguồn nhân lực không chỉ dừng ở đào tạo chuyên môn, mà còn hướng tới hình thành thể hệ công dân thích ứng với xã hội số, kinh tế số và quản trị số.

Như vậy, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn là nhiệm vụ chiến lược mang tính hệ thống, gắn chặt với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng và hình thành lực lượng sản xuất mới.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài.

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành một loại tài nguyên đặc biệt. Văn kiện đặt ra yêu cầu: “Có cơ chế, chính sách đặc biệt để phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; chú trọng thu hút các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là bước tiến quan trọng trong tư duy về chiến lược nhân tài.

Một là, cần xây dựng cơ chế tuyển dụng, sử dụng nhân tài dựa trên năng lực thực chất và sản phẩm cụ thể. Môi trường cạnh tranh minh bạch, công bằng là điều kiện tiên quyết để phát hiện và phát huy tối đa tiềm năng của người tài. Việc trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu cũng là điều kiện quan trọng để thu hút đội ngũ chuyên gia chất lượng cao.

Hai là, bảo đảm chế độ đãi ngộ tương xứng. Văn kiện khẳng định: Phải hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách đào tạo, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ chuyên gia (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Cần xác định đãi ngộ không chỉ là thu nhập, mà còn là môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến, điều kiện nghiên cứu, cơ sở vật chất và sự ghi nhận xứng đáng.

Ba là, chủ động ngăn ngừa và hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám”. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, lao động chất lượng cao có nhiều

cơ hội và lựa chọn. Nếu không có chính sách đột phá, Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong việc thu hút và giữ chân nhân tài. Do đó, việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, kết nối doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học, như Văn kiện đã nêu rõ: “Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026), chính là giải pháp căn cơ để tạo môi trường phát triển bền vững cho người tài.

Bốn là, coi trọng thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng mạng lưới đổi mới sáng tạo, thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026), qua đó tận dụng nguồn lực trí tuệ toàn cầu phục vụ phát triển đất nước.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài vì thế không chỉ là chính sách nhân sự, mà còn là chiến lược quốc gia về tri thức và sáng tạo, có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ.

Đột phá về nguồn nhân lực không thể tách rời đột phá về công tác cán bộ trong hệ thống chính trị. Văn kiện yêu cầu: “Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thâm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương “có vào, có ra”, “có lên, có xuống”” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là biểu hiện của tư duy quản trị hiện đại, thay thế cách tiếp cận bình quân, cào bằng trước đây.

Một là, đánh giá cán bộ phải dựa trên kết quả thực tiễn. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu đánh giá cán bộ “gắn với sản phẩm cụ thể, theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh”. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống tiêu chí rõ ràng,

minh bạch, tránh tình trạng đánh giá cảm tính.

Hai là, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Văn kiện chỉ rõ, cần tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các hành vi chạy chức, chạy quyền. Đây là điều kiện tiên quyết để duy trì bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Ba là, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo. Văn kiện nêu rõ yêu cầu “thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ, nếu cán bộ sợ sai, né tránh trách nhiệm, thì bộ máy sẽ trì trệ, không thể bứt phá.

Bốn là, kiên quyết xử lý cán bộ yếu kém, vi phạm. Văn kiện nhấn mạnh phải kịp thời thay thế, cho từ chức những cán bộ yếu kém về năng lực, thiếu trách nhiệm, uy tín thấp... mà không chờ hết nhiệm kỳ. Điều này thể hiện quyết tâm xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự tiêu biểu, ngang tầm nhiệm vụ.

Như vậy, đổi mới công tác cán bộ chính là khâu then chốt trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bảo đảm mọi chủ trương, đường lối được tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ trong mô hình tổ chức mới.

Sau cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị vận hành theo mô hình mới đặt ra yêu cầu cấp thiết về một đội ngũ cán bộ có tư duy quản trị hiện đại, am hiểu công nghệ và hội nhập quốc tế. Văn kiện xác định rõ trọng tâm là “xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Một là, cán bộ cấp chiến lược phải có tầm nhìn dài hạn, khả năng dự báo và hoạch định chính sách trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, phức tạp.

Hai là, cán bộ cơ sở phải gần dân, sát dân, hiểu dân, thực hiện tốt phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Đây là điều kiện để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và nâng cao hiệu lực quản trị địa phương.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, liêm chính, phụng sự Nhân dân. Văn kiện nhấn mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ “thực sự chuyên nghiệp, liêm chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm và đạo đức công vụ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Tựu trung lại, con người là nhân tố trung tâm của mọi đột phá. Nếu không có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực, mọi cải cách thể chế, đầu tư hạ tầng hay chuyển đổi số đều khó phát huy hiệu quả. Do đó, đột phá về nguồn nhân lực và công tác cán bộ chính là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 mà Đại hội XIV đã xác định, đưa đất nước vững bước tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

3. Đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội - Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh

Trong tổng thể các đột phá chiến lược của nhiệm kỳ 2026-2030, đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa tạo nền tảng vật chất cho phát triển, vừa mở rộng không gian tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Báo cáo chính trị xác định rõ: “Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi

khí hậu, hạ tầng văn hóa, giáo dục, thể thao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Như vậy, hạ tầng không chỉ được hiểu theo nghĩa truyền thống là giao thông, điện, nước, mà được tiếp cận theo tư duy mới - hạ tầng cho phát triển bền vững, cho quản trị hiện đại và cho nâng cao chất lượng con người. Đây chính là điều kiện quyết định để hiện thực hóa mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thứ nhất, hạ tầng giao thông đa phương thức.

Kết cấu hạ tầng giao thông là “mạch máu” của nền kinh tế. Một hệ thống giao thông hiện đại, kết nối liên thông giữa đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa sẽ tạo động lực lan tỏa mạnh mẽ cho sự phát triển vùng và liên vùng. Trong nhiệm kỳ vừa qua, nhiều công trình trọng điểm quốc gia đã được đầu tư, góp phần thay đổi diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Báo cáo chính trị khẳng định: “Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển bứt phá, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, đường bộ cao tốc, sân bay, cảng biển, hạ tầng số..., góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Tuy nhiên, yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026-2030 đòi hỏi những bước đi mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Hệ thống cao tốc Bắc - Nam cần được hoàn thiện đồng bộ; đường sắt tốc độ cao cần được triển khai như một biểu tượng của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các cảng biển trung chuyên quốc tế, sân bay cửa ngõ, trung tâm logistics quy mô lớn cần được đầu tư theo chuẩn quốc tế. Việc phát triển hạ tầng đa phương thức không chỉ góp phần giảm chi phí logistics - vốn còn ở mức cao so với khu vực - mà còn tạo điều kiện hình thành các cực tăng trưởng mới, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tái cấu trúc không gian kinh tế quốc gia.

Quan trọng hơn, hạ tầng giao thông hiện đại là tiền đề để thực hiện chiến lược liên kết vùng, phát huy vai trò của các vùng động lực quốc gia, các hành lang kinh tế và các đô thị lớn. Khi hạ tầng kết nối được hoàn thiện, “dòng chảy” hàng hóa, dịch vụ, lao động và tri thức sẽ được lưu thông thông suốt, qua đó nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và gia tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ hai, hạ tầng công nghệ phục vụ quản lý, quản trị.

Trong kỷ nguyên số, hạ tầng công nghệ thông tin và dữ liệu quốc gia trở thành nền tảng của quản trị hiện đại. Không có hạ tầng số đồng bộ, quá trình chuyển đổi số quốc gia sẽ không thể đạt hiệu quả thực chất. Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu: “Chú trọng đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhất là công nghệ cao, xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia; ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử... tạo động lực đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Điều này cho thấy hạ tầng công nghệ không chỉ phục vụ quản lý hành chính, mà còn là động lực trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia, phát triển mạng viễn thông thế hệ mới, tích hợp và liên thông các cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính... sẽ tạo ra nền tảng Big Data phục vụ hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Nhà nước.

Hạ tầng công nghệ còn là điều kiện để triển khai toàn diện Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Khi quy trình xử lý công việc được số hóa, dữ liệu được chia sẻ theo thời gian thực, hiệu quả quản trị sẽ được nâng cao rõ rệt, giúp giảm chi phí xã hội và tăng niềm tin của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở để

thực hiện phân cấp, phân quyền thực chất giữa Trung ương và địa phương, gắn quyền hạn với trách nhiệm giải trình.

Thứ ba, hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Biến đổi khí hậu đang tác động trực tiếp đến an ninh lương thực, năng lượng và sinh kế của hàng triệu người dân, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng ven biển. Vì vậy, đầu tư hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh không chỉ là yêu cầu về môi trường mà còn là yêu cầu của phát triển bền vững. Báo cáo chính trị xác định rõ: “Hoàn thiện đồng bộ thể chế quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; chủ động xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh bao gồm hệ thống năng lượng tái tạo (điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối), lưới điện thông minh, công trình phòng, chống xâm nhập mặn, đê điều, hồ chứa nước, hệ thống xử lý nước thải, rác thải và các khu công nghiệp sinh thái. Việc đầu tư đồng bộ các công trình này không chỉ góp phần giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, mà còn mở ra các ngành kinh tế mới, thu hút đầu tư quốc tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị xanh toàn cầu.

Đồng thời, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu phải gắn với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, nguồn nước và không gian biển. Đây là cơ sở để phát triển kinh tế biển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thứ tư, hạ tầng văn hóa, giáo dục, thể thao.

Phát triển hạ tầng không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển con người toàn diện. Báo cáo chính trị khẳng định: “Xây dựng và

phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... để văn hóa thực sự là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Các thiết chế văn hóa, trường học, cơ sở đào tạo, trung tâm thể thao hiện đại là điều kiện để thực hiện mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực và kỹ năng số. Hạ tầng giáo dục tiên tiến giúp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; hạ tầng văn hóa góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia và củng cố bản sắc dân tộc; hạ tầng thể thao nâng cao thể lực và sức khỏe cộng đồng.

Đặc biệt, việc thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa, giáo dục giữa các vùng miền đòi hỏi phải đầu tư mạnh mẽ cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khi người dân ở mọi địa bàn đều được tiếp cận dịch vụ giáo dục, văn hóa, thể thao có chất lượng, thì phát triển mới thực sự bao trùm và bền vững.

Khái quát lại, đột phá về kết cấu hạ tầng là đột phá mang tính “mở đường”, tạo điều kiện vật chất và kỹ thuật cho tất cả các lĩnh vực khác phát triển. Hạ tầng giao thông mở rộng không gian kinh tế; hạ tầng công nghệ nâng cao năng lực quản trị; hạ tầng xanh bảo đảm phát triển bền vững; hạ tầng văn hóa, giáo dục, thể thao thúc đẩy phát triển con người toàn diện. Sự kết hợp đồng bộ của các loại hạ tầng này sẽ tạo nên nền tảng vững chắc để đất nước tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Tóm lại, ba đột phá chiến lược theo tinh thần Đại hội XIV không tồn tại tách rời, mà có mối

quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong chiến lược phát triển đất nước giai đoạn mới. Thể chế thông thoáng, hiện đại và minh bạch chính là nền tảng để khơi thông mọi nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi cho con người sáng tạo, cống hiến và phát huy tối đa năng lực. Khi thể chế được hoàn thiện đồng bộ, quyền và trách nhiệm được xác lập rõ ràng, cơ chế khuyến khích đổi mới được bảo đảm, thì nguồn nhân lực mới thực sự trở thành động lực nội sinh của phát triển.

Ngược lại, nhân lực chất lượng cao là chủ thể trực tiếp làm chủ công nghệ, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện đại. Không có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, người lao động đủ trình độ, thì dù thể chế có thông thoáng, hạ tầng có hiện đại cũng khó tạo ra giá trị gia tăng cao. Đồng thời, kết cấu hạ tầng đồng bộ, tiên tiến lại mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện cho các mô hình sản xuất, kinh doanh mới hình thành và phát triển, thúc đẩy liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa ba đột phá hướng tới mục tiêu cao nhất là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đây không chỉ là giải pháp cho một nhiệm kỳ, mà là chiến lược dài hạn nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Nếu được triển khai đồng bộ, quyết liệt và sáng tạo, ba đột phá chiến lược sẽ trở thành động lực căn bản, quyết định khả năng Việt Nam vươn lên mạnh mẽ, tự chủ và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới đầy biến động ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Toàn văn: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Báo Điện tử Chính phủ, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206221643667.htm>